

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

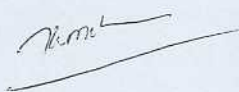
Quý II năm 2013 (Dạng đầy đủ)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	66,970,022,081	91,067,193,947	111,044,002,452	124,230,904,278
2. Các khoản giảm trừ	02		472,745,454		472,745,454	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		66,497,276,627	91,067,193,947	110,571,256,998	124,230,904,278
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	41,811,082,526	77,376,182,199	59,596,397,942	87,116,106,127
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		24,686,194,101	13,691,011,748	50,974,859,056	37,114,798,151
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2,217,087,311	4,594,309,081	4,077,548,089	6,173,343,160
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.4	17,830,191	4,198,416,187	23,333,934	4,593,400,486
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		17,830,191	66,857,694	23,333,934	461,841,993
8. Chi phí bán hàng	24					
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7,596,995,788	7,049,569,970	15,241,606,514	12,709,605,350
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		19,288,455,433	7,037,334,672	39,787,466,697	25,985,135,475
11. Thu nhập khác	31		229,901,709	4,711,679,367	470,699,809	4,911,679,367
12. Chi phí khác	32		17,441,742	(188,771,041)	133,227,715	198,534,806
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		212,459,967	4,900,450,408	337,472,094	4,713,144,561
14. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	45		(41,537,998)	(688,679,764)	(41,537,998)	(688,679,764)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		19,459,377,402	11,937,785,080	40,083,400,793	30,009,600,272
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	4,301,600,005	808,143,415	9,486,552,346	5,531,425,365
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			46,261,371	3,083,809,305	46,261,371	3,083,809,305
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		15,111,516,026	11,129,641,665	30,550,587,076	21,394,365,602
18.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		423,401,601	1,051,465,635	423,723,098	1,077,449,498
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62	VI.6	14,688,114,425	10,078,176,030	30,126,863,978	20,316,916,104
19. Lãi cơ bản trên cổ phần của công ty mẹ (*)	70		1,379	946	2,827	1,907

Ghi chú: (*) Chỉ tiêu này chỉ áp dụng đối với Công ty cổ phần.

Người lập biểu



Trần Thị Kim Thu

Kế toán trưởng



Trương Lưu

Ngày 13 tháng 08 năm 2013



Nguyễn Xuân Đình